

Số: /TB-YHCT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 9-Đường Quang Trung-Phường Thịnh Đán-Thành phố Thái Nguyên-tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Hương Giang

Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính

Số điện thoại: 0208 3 846 014

Địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên, Tổ 9-Đường Quang Trung-Phường Thịnh Đán-Thành phố Thái Nguyên-tỉnh Thái Nguyên. (đối với trường hợp gửi bưu điện, Bệnh viện nhận được báo giá phải trong thời hạn tiếp nhận báo giá).

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Tổ 9-Đường Quang Trung-Phường Thịnh Đán-Thành phố Thái Nguyên-tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: Để thuận tiện cho việc tiếp nhận báo giá được nhanh chóng, đề nghị các đơn vị báo giá vui lòng gửi bản scan báo giá đến địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com. Bản cứng (có đóng dấu) các đơn vị báo giá cần gửi theo hai cách thức trên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 00 phút ngày 04 tháng 02 năm 2025 đến trước 15 giờ 00 phút ngày 14 tháng 02 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2025 .

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến địa điểm tại khoa Dược, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nêu trên, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng;

3. Thời gian thực hiện dự kiến: 365 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

+ Tạm ứng: Không thực hiện.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu đã giao đủ hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật).

- Số lần thanh toán: Thanh toán thành một đợt hoặc nhiều đợt theo tiến độ giao hàng và kết quả nghiệm thu dịch vụ.

5. Các thông tin khác: Không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KHTH (để đăng tải);
- Lưu VT, KD, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Bình

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2025
CỦA BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Thông báo số /TB-YHCT ngày/02/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm (≤30%)
1.	Băng dính lụa	Kích thước 5cmx5m.	Cuộn	530	159
2.	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G.	Cái	90.000	27.000
3.	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất 250W; nguồn điện 220V; phổ ánh sáng hồng ngoại	Cái	38	11
4.	Bông hút	Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, màu trắng không gây kích ứng da, 1kg/túi	Kg	240	72
5.	Chỉ Chromic catgut số 4/0	Dài ≥75cm, kim 1/2 kim tròn, vòng kim 15-26mm, kim bằng thép không rỉ phủ silicone. Là chỉ tự tiêu được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruột cừu. Ít kích ứng mô, vô trùng, có khả năng tự tiêu sau 10-21 ngày	Sợi	330	99
6.	Cidex 30 ngày	5 lít/can. Dung dịch khử khuẩn mức độ cao và diệt trùng các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch dùng 30 ngày; thành phần chính: Glutaraldehyde 2%	Can	100	30
7.	Cồn 70 độ	Nồng độ Ethanol 70 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, diệt trùng các dụng cụ y tế.	Lít	250	75
8.	Đầu côn xanh	500 cái/túi. Đầu côn nhựa màu xanh	Cái	1.000	300
9.	Đầu dò siêu âm điều trị	Tương thích với máy vật lý trị liệu đa năng Doctorhome model: DH14	Cái	7	2
10.	Dầu Parafin	500ml/chai. Dung dịch trắng trong nhớt, không vị, không mùi, không tan trong nước và cồn.	Chai	15	4
11.	Dây điện xung máy vật lý trị liệu	Một đầu có cắm giắc, ra 2 đầu đa năng, dây bọc nhựa, tương thích với máy vật lý trị liệu Bộ Quốc phòng	Cái	50	15
12.	Dây garo	Chất liệu: thun cotton, có gai dán	Cái	40	12
13.	Dây máy điện châm	Hai đầu kẹp, một đầu cắm giắc, dây bọc nhựa	Bộ	755	226
14.	Dây quang máy laser	Thiết bị phát laser. Tương thích với máy laser điều trị model: Mini-630	Cái	10	3
15.	Dây truyền dịch có kim cánh bướm	Thành phần từ nhựa PVC mềm, trong suốt, không chứa chất gây độc, gây sốt. Vật liệu kết cấu kim truyền chắc chắn, không bị gãy trong điều kiện sử dụng bình thường.	Bộ	40	12
16.	Đè lưỡi gỗ		Cái	400	120
17.	Định lượng Albumin	Thuốc thử xác định định lượng albumin, trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích	Hộp	6	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm (≤30%)
		sinh hóa; Thành phần cơ bản: R1: Succinic acid Buffer pH 4.0: 75mmol/l; Bromocresol Green: 0.17 mmol/l; 1 hộp bao gồm 1 lọ R1 10ml/lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương			
18.	Định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein máu toàn phần, Thành phần: Copper II Sulphate 12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate 31,9 mmol/l Potassium Iodide 30,1 mmol/l Sodium Hydroxide 0,6 mol/l. Measuring range (phạm vi đo): 0.37 – 15 g/dl. 1 hộp bao gồm 1 hóa chất R1 10 lọ, 44ml/ lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	1	0
19.	Đo hoạt độ GGT	Thuốc thử xác định định lượng γ -Glutamyl Transferase (γ -GT) trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích sinh hóa; R1: TRIS Buffer pH 8.25: 100 mmol/l; Glycylglycine: 100 mmol/l; PRESERVATIVE; R2: Carboxynitroanilide: 2.9 mmol/l; 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1: 4 lọ 40ml/ lọ, R2: 4 lọ 40ml/ lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	1	0
20.	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học: Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu dùng cho máy huyết học 3 thành phần. Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04g/ L, Tetracaine HCL 0,02g/L, Imidazole 2,85g/20 lít/ thùng Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Thùng	8	2
21.	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần. Dung dịch phá vỡ hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 1.5%; Sodium salts < 2%. 500ml/lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	7	2
22.	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa thường quy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Dung dịch rửa thường quy dùng cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần. Thành phần: - Organic buffer < 0.5% - Sodium salts < 2,0 % - Proteolytic enzyme < 0,5 % - Preservative < 0.05% 05 lít/can Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Can	11	3
23.	Dung dịch rửa máy xét nghiệm sinh hoá tự động	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của máy sinh hoá tự động Getein CM-400	Can	12	3
24.	Găng tay khám	Nguyên liệu cao su, có bột. Bề mặt trơn nhẵn.	Đôi	13.500	4.050
25.	Gel siêu âm	5kg/can. Gel siêu âm được sử dụng trong siêu âm.	Can	36	10

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm (≤30%)
26.	Giấy điện tim 3 cần	Dạng cuộn, tương thích với máy điện tim 3 cần hãng Nihon Koden, Fukuda.	Cuộn	140	42
27.	Hóa chất đậm đặc rửa kim	Dung dịch rửa đậm đặc, dùng cho máy huyết học 3 thành phần, Thành phần chính:Sodium Hypochlorite (sử dụng trong các trường hợp đặc biệt). Lọ ≤ 70ml Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	2	0
28.	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Sử dụng định lượng Bilirubin toàn phần Thành phần, nồng độ R1 Citrate Buffer at pH of 2.9: 100 mmol/L Detergent R2 Phosphate Buffer at pH of 7.0: 10 mmol/L Sodiummeta vanadate: 4 mmol/L Quy cách: R1: 4x40ml + R2 : 4x10ml. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	1	0
29.	Hóa chất định lượng bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L; Phương pháp: DPD. thành phần 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1: 6 lọ 44ml/lọ , R2: 3 lọ 22ml/lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	1	0
30.	Hóa chất định lượng calci toàn phần	Thành phần chính: R1 (Arsenazo Dye; SodiumAcetate) + Standard.1 hộp bao gồm 10 lọ, 1 loại hóa chất R1: 12ml/ lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	2	0
31.	Hóa chất định lượng CRP	Hoá chất cho xét nghiệm định lượng Protein C phản ứng (CRP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Phù hợp với máy phân tích sinh hoá tự động Gentein CM-400. Độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 6 tuần, 1 hộp bao gồm 3 loại hóa chất. R1: 2lọ 40ml/lọ, R2: 2lọ 10ml/lọ Cal:1x1ml Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Hộp	4	1
32.	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa (calibration)	Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và hoạt độ phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động Getein CM-400. Huyết thanh hiệu chuẩn phù hợp dùng cho phân tích sinh hoá lâm sàng sau:- Enzymes: ALT (GPT), AST (GOT), Amylase, CK NAC, Ck-MB, Gamma-GT, Alkaline Phosphatase (ALP), LDH.-Chất điện giải: Calcium, Chloride, Iron, Magnesium, Inorganic Phosphorus, Sodium, Kalium- Protein: Total protein, Albumin.- Lipids: Total Cholesterol, Triglycerides. LDL -C, HDL-C- Chất nền: Bilirubin, Creatinine, Glucose, Urea, Uric acid.Thêm enzymes có nguồn gốc động vật.Thành phần: R1-Multicalibrator Chất hiệu chuẩn đa thông số (Huyết thanh đông khô có nguồn gốc từ bò); R2- Multicalibrator Chất pha	Lọ	6	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm (≤30%)
		loãng (Nước khử khoáng, Chất bảo quản).Đóng gói 1 hộp gồm 4 lọ mỗi lọ 3ml.			
33.	Hóa chất xét nghiệm (Triglycerides)	Thành phần:R1: PIPES buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; ATP 2.85 mmol/l; Mg 60 mmol/l ; Glycerol Kinase (GK) 1.5 U/ml; Glycerol-3-phosphate oxidase(GPO) 6.0 U/ml; Toos 0.48 mmol/l.R2: Peroxidase 15.0 U/ml; Lipoprotein Lipase 25.0 U/ml. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương hộp gồm 10 lọ 44ml/lọ	Hộp	5	1
34.	Hóa chất xét nghiệm dư lượng men thận trong máu (Urea)	Thành phần: R1:Tris Buffer 100 mmol/l α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l R2:NADH 1.66 mmol/l.- Measuring range (phạm vi đo): 11.5-300 mg/dl.Quy cách đóng gói: 1 hộp gồm 2 loại hóa chất. R1 5lọ 44ml/lọ. R2 5lọ 11ml/lọ	Hộp	15	4
35.	Hoá chất xét nghiệm HDL	Thành phần: R1 (Good's Buffer pH7.0; 4 Amino Antipyrine; POD; Ascorbic Oxidase; Anti Human Lipoprotein Ab) + R2 (Good's Buffer pH7.0; Cholesterol Esterase = 4.0 U/ml; Cholesterol Oxidase = 20 U/ml; F-DOAS). 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1 4 lọ 30 ml/lọ. R2 4lọ 10ml/lọ	Hộp	12	3
36.	Hoá chất xét nghiệm LDL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; dải đo đến 6,5 mmol/L.Thành phần thuốc thử: R1: MES Buffer pH 6,5 PEGME/PVS mixture ≤ 1 % Cholesteroloxidase > 500 U/l Cholesterolerastase > 250 U/l Peroxidase > 10 kU 4-Aminoantipyrine 4 mmol/L R2: MES Buffer pH 6,5 N,N- Bis(sulfobutyl)methylaniline < 1 mmol/L 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1 2lọ 30ml/lọ R2 2lọ 10ml/lọ	Hộp	5	1
37.	Hóa chất xét nghiệm lượng acid uric trong máu (Acid Uric)	Thành phần:Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l TOOS 0.48 mmol/l Uricase 200 U/l Peroxidase 5000 U/l 4-Aminoantipyrine 1.5 mmol/l. 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1 5lọ 44ml/lọ R2 5lọ 11ml/lọ	Hộp	1	0
38.	Hóa chất xét nghiệm lượng đường trong máu (Glucose)	Thành phần:Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase >25 U/ml;Peroxidase >2 U/ml; Phenol 5mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l. 1 hộp bao gồm R1 10 lọ 44ml/ lọ	Hộp	11	3
39.	Hóa chất xét nghiệm lượng men gan GPT trong máu (ALT)	Thành phần:R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l; L-Alanine 709 mmol/l; LDH (microbial) ≥ 2000 U/l.R2: CAPSO 20 mmol/l;2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương Bộ gồm:1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất R1-6lọ 44ml/lọ. R2-6 lọ 11ml/lọ	Hộp	15	4
40.	Hóa chất xét nghiệm lượng mỡ máu trong máu (Cholesterol)	Thành phần: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l;Cholesterol esterase ≥ 200 U/l;Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3	Hộp	7	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm ($\leq 30\%$)
		Ku, Đạt chứng nhận ISO 3485:2016 hoặc tương đương 1 hộp bao gồm 10 lọ 44ml/lọ			
41.	Hóa chất xét nghiệm men gan GOT trong máu (AST)	Thành phần R1 :Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l; Laspartic acid 340 mmol/l; LDH ≥ 4000 U/l; MDH ≥ 750 U/l. R2: CAPSO 20 mmol/l ; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/11 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương Quy cách đóng gói: R1-6lọ 44ml/lọ R2-6 lọ 11ml/lọ	Hộp	15	4
42.	Hóa chất xét nghiệm suy giảm chức năng thận trong máu (Creatinine)	Thành phần:R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid 26 mmol/l. 1 hộp bao gồm 2 loại hóa chất. R1-5lọ Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương, Quy cách đóng gói: 44ml/lọ. R2-5lọ 11ml/lọ	Hộp	20	6
43.	Huyết thanh kiểm tra mức cao	Huyết thanh đông khô được dùng để kiểm tra các giá trị mức bất thường mức cao, đa thông số dựa trên huyết thanh người. Centropath được xác định cho các thông số sau: Total Acid Phosphatase, Albumin, ALT/GPT, α -Amylase Total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, BUN, Calcium, Chloride, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, , CK-NAC, CK-MB, Copper, Creatinine, GGT, Glucose, GLDH, Iron, Total Protein, Triglycerides, TIBC, Urea, Uric Acid Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương Lọ 5ml, thủy tinh màu nâu	Lọ	15	4
44.	Huyết thanh kiểm tra mức trung bình	Huyết thanh đông khô được dùng để kiểm tra các giá trị mức thường đa thông số dựa trên huyết thanh người:Centronorm được xác định cho các thông số sau: Total Acid Phosphatase, Albumin, Aldolase, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, BUN, Calcium, Chloride, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, CK-NAC, CK-MB, Creatinine, GGT, Glucose, GLDH, HBDH, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Total Protein, Triglycerides, TIBC, Urea, Uric Acid, Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương quy cách đóng gói: Lọ 5ml, thủy tinh màu nâu	Lọ	15	4
45.	Kéo cắt chỉ	Đầu cong, chiều dài 11,5cm; cán màu vàng, làm bằng thép không rỉ, lưỡi kéo có độ sắc bén, bền bỉ, chịu được nhiệt độ cao.	Cái	3	0
46.	Kéo y tế	Thẳng, nhọn, làm bằng thép không rỉ. chiều dài 18cm	Cái	9	2
47.	Khí oxy y tế	Bình 40 lít khí Oxy nồng độ oxy 99,5% trở lên	Bình	3.000	900
48.	Kim châm cứu số 10	10 chiếc/vi nhôm; 10 vi nhôm/hộp - Vô trùng; Đầu kim nhọn, cán được cuốn từ sợi đồng, có khuyên, thân kim bằng thép y tế chuyên dụng không gỉ; đã tiệt trùng, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt;	Cái	37.700	11.310

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm ($\leq 30\%$)
		dùng 1 lần hoặc hấp sấy sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Dài 10cm			
49.	Kim châm cứu số 4	10 chiếc/vi nhôm; 10 vi nhôm/hộp - Vô trùng; Đầu kim nhọn, cán được cuốn từ sợi đồng, có khuyên, thân kim bằng thép y tế chuyên dụng không gỉ; đã tiệt trùng, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt; dùng 1 lần hoặc hấp sấy sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Dài 4cm	Cái	5.000	1.500
50.	Kim châm cứu số 5	110 chiếc/vi nhôm; 10 vi nhôm/hộp - Vô trùng; Đầu kim nhọn, cán được cuốn từ sợi đồng, có khuyên, thân kim bằng thép y tế chuyên dụng không gỉ; đã tiệt trùng, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt; dùng 1 lần hoặc hấp sấy sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Dài 5cm	Cái	1.380.000	414.000
51.	Kim châm cứu số 6	10 chiếc/vi nhôm; 10 vi nhôm/hộp - Vô trùng; Đầu kim nhọn, cán được cuốn từ sợi đồng, có khuyên, thân kim bằng thép y tế chuyên dụng không gỉ; đã tiệt trùng, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt; dùng 1 lần hoặc hấp sấy sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Dài 6cm	Cái	150.000	45.000
52.	Kim châm cứu số 7	110 chiếc/vi nhôm; 10 vi nhôm/hộp - Vô trùng; Đầu kim nhọn, cán được cuốn từ sợi đồng, có khuyên, thân kim bằng thép y tế chuyên dụng không gỉ; đã tiệt trùng, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt; dùng 1 lần hoặc hấp sấy sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng. Dài 7cm	Cái	120.000	36.000
53.	Kim đẩy chỉ	Kim đẩy chỉ vô trùng loại dùng 01 lần gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán, thân kim làm bằng thép không gỉ. Kích cỡ: 0,3x33mm dùng cho đầu nòng 23G. Quy cách 5 cái/vi; 20 vi/hộp.	Cái	3.120	934
54.	Kim lấy thuốc	Đầu kim dùng một lần, thích hợp dùng để tiêm, lấy máu, pha thuốc. Sản phẩm an toàn, vô trùng tuyệt đối. Các cỡ 18G; 23G	Cái	5.500	1.650
55.	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn không cánh dạng bút, không cổng bơm thuốc. Cỡ 22G	Cái	6.000	1.800
56.	Kim quang dùng cho laser nội mạch	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	Cái	6.000	1.800
57.	Mask ambu	Được làm từ nhựa PVC không độc hại đệm hơi mềm mại đàn hồi, độ kín không khí và ít mùi. Mặt nạ được thiết kế đặc biệt để phù hợp với khuôn mặt bệnh nhân tạo cảm giác thoải mái. Có thể kết nối với các thiết bị y tế khác như: Máy gây mê, máy thở, máy oxy, oxy áp suất cao và thiết bị thở khẩn cấp. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong túi. Dùng được cho người lớn.	Cái	1.100	330
58.	Máu chuẩn kiểm tra mức trung bình	Lọ 3ml, kiểm tra các thông số đo ở dải trung bình, tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray Bc - 2800 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	4	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Tùy chọn mua thêm (≤30%)
59.	Máu chuẩn mức cao	Lọ 3ml, kiểm tra các thông số đo ở dải cao, tương thích mới máy xét nghiệm huyết học Mindray Bc - 2800 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	4	1
60.	Máy đo huyết áp cơ	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg. Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao. Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn; Tai nghe có độ khuếch đại lớn. nghe êm, không đau tai	Cái	18	5
61.	Miếng dán máy xung điện	Miếng dán dùng cho máy xung điện, một mặt nhựa dán dính, mỗi túi: 1 cặp	Cặp	650	195
62.	Màng Nilon đóng túi thuốc sắc máy	Màng phức hợp PET&PE (màng đóng túi)	Cuộn	160	48
63.	Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2	Hóa chất nội kiểm tổng phân tích nước tiểu ở mức cao, thành phần 100% từ nước tiểu người, Đáp ứng ≥ 10 thông số xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 30 ngày ở 2-8°C. lọ 12ml, tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Mindray AU - 66 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	6	1
64.	Ống ly tâm Eppendorf	Dung tích: 1,5ml Chất liệu: Nhựa PP trong suốt, Đã tiệt trùng Đóng gói: 500 ống/túi.	Cái	500	150
65.	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K3	Ống	4.600	1.380
66.	Ống nghiệm Herparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium	Ống	4.600	1.380
67.	Panh y tế	Panh thẳng, không máu, chiều dài 18cm, bằng thép không rỉ	Cái	33	9
68.	Phim khô laser	Kích thước 10x12 inch (25x30cm). Dùng được cho máy Fuji	Cái	6.000	1.800
69.	Que thử nước tiểu 11 thông số	100que/hộp, que 11 vạch màu	Que	1.200	360
70.	Sonde nelaton các số	Chất liệu cao su tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng	Cái	17	5

(Danh sách này gồm 70 khoản)

**PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ**

TÊN CÔNG TY.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa, thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.